SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI

Số: 466 /TB-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc mời đơn vị tham gia tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 640/SYT-NVD ngày 30/3/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2023 - 2024;

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024 (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự án gói thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024 là 2.032.529.595đ (Số tiền bằng chữ: Hai tỷ không trăm ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi năm đồng).

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024	01gói
02	Thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lực chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự án mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023 - 2024	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang Tổ 10 Phường Minh Khai -

Thành phố Hà Giang - Tỉnh Hà Giang trước 10h00 ngày 09/9/2023 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;

- Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:

+ Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lực chọn nhà thầu.

+ Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).

+ Một số thông tin khác có liên quan.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI HÀ GIANG

Chúc Hồng Phương

GÓI THẦU MUA VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số 466 */TB-BV ngày* 31 *tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang)*

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	DANH MỤC NHU CẦU SỬ DỤNG VẬT TƯ - SINH PHẨM Y TẾ			
	I. Vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT			
	Nhóm 1. Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
	1.1 Bông			
	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ			
1	Bông y tế thấm nước	Tốc độ hút nước =< 0,5 giây. Bông Y tế 100% bông xơ tự nhiên. Kiện/ 12kg	Kg	150
	Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương			
	2.2 Băng dính			
	Băng dính các loại, các cỡ			
2	Băng dính y tế cỡ KT 2,5 x 9,1m	KT 2,5cm*9,1m Băng có cấu tạo nền vải lụa acetate taffeta mịn, bóng, mềm mại, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh.* Phủ lớp keo Acrylate không chứa mủ cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và	Cuộn	1.000

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		không sót keo khi tháo băng ra.* Xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện* Thiết kế lõi giấy thân thiện với môi trường* Chống thấm nướcLợi ích sử dụng:* Bền chắc, thông thoáng cho da* Dính tốt trên da khô và miết với áp lực nhẹ sau khi dán. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS,…(hoặc tương đương) / Quy cách: 12 cuộn/ hộp		
	Gạc các loại, các cỡ			
3	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.	Mét	300
	Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh			
	3.1 Bơm tiêm			
	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ			
4	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	150
	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ			
5	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	200
	Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ			

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
6	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1.100
7	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	40.000
8	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	18.000
	3.2 Kim tiêm			
	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ			
9	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim có cánh, cửa bơm thuốc. Chất liệu FEP với thành catheter mỏng, có 2 vạch cản quang trên thân catheter, không gây sốt, không có latex, chống vặn xoắn. Kim bằng thép không gỉ (AISI 304), được cắt vát 3 lần. Lưu kim 96h. Các cỡ: 24G(O.D:0.7x19mm): Màu vàng; 22G(O.D:0.8x25mm): Màu xanh nước biển; 20G(O.D:1,0x32mm): Màu hồng; 18G(O.D:1,2x45mm): Màu xanh lá cây; Tiệt trùng công nghệ EO. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Quy cách: Cái/gói	Cái	3.100
	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ			
10	Kim lấy thuốc	Kim các số, Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	35.000

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
	Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ			
11	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Kim chọc dò gây tê tủy sống có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene, đầu nối kim vào đốc kim chất liệu Epoxy resin, Kim và nòng: chất liệu thép không rỉ đặc biệt và được khử trùng theo phương pháp: Ethylene oxide kim được thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tủy sống có đường kính và chiều dài được thể hiện rõ trên từng sản phẩm: 18GA 3.50 IN: 1,20 mm x 90 mm, 20GA 3.50 IN: 0.90 mm x 90 mm, 22GA 3.50 IN: 0.70 mm x 90 mm, 25GA 3.50 IN: 0.50 mm x 90 mm, 26GA 3.50 IN :0.45 mm x 90 mm, 27GA 3.50 IN: 0.40 mm x 90 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE/ Quy cách: 25 cái/ hộp	Cái	100
	3.5 Dây truyền, dây dẫn			
	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)			
12	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có kim hai cánh bướm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Bộ	5.300

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
13	Bộ dây truyền dịch có kim	Kim 21Gx1,5, dây dài 145cm. Đầu nối Luer lock. Có màng lọc khí. Bầu đếm giọt có màng lọc dịch, lỗ lọc dịch 15-20µm, bầu đếm giọt 6ml, 20 giọt/ml. Không độc, không gây sốt. Không rò rỉ khí ở 50kPa áp suất không khí bộ truyền trong 15giây. Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485:2016, CFS có chứng thực Đại sứ quán. Quy cách: Bộ/gói	Bộ	5.000
	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động các loại, các cỡ			
14	Khóa ba ngã không dây	- Chất liệu nhựa trong y tế. Không gây độc, gây sốt. Không gây tương tác khi truyền các loại nhũ tương, dịch Lipid và các loại thuốc khác. - Khóa luer dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi chỉnh… - Tiệt trùng bằng khí EO 1 cái/ túi	Cái	500
	3.6 Găng tay			
	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ			
15	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Găng tay cao su tự nhiên, có bột. Mủ cao su tự nhiên, găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay, ASTM D3578, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4, ISO 10993-5:2009 (E), ISO 10993-10:2010 (E). Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng (±0.2gr): XS: 4.0gr, S: 4.5gr, M: 5.0gr, L: 5.5gr, XL: 6.0gr. Chiều dài: 240mm±5. Chiều rộng (mm): XS: 75±5, S: 85±5, M: 95±5, L: 105±5, XL: 115±5. Độ dày (mm): Lòng bàn tay: ≥0.09, Đầu ngón tay: ≥0.11. Lực kéo đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: Tối thiểu 20MPa/16Mpa. Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: Tối thiểu 700%/600%. Hàm lượng bột: Tối đa 10mg/dm². Hàm lượng Protein: Tối đa 100µg/dm². Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. Quy cách: 50 đôi/ hộp	Đôi	170.000
	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ			

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
16	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột (USP) dùng trong thủ thuật, phẫu thuật. Mủ cao su tự nhiên, nhám lòng bàn tay và ngón tay, phân biệt tay trái/phải, ASTM D3577, TCVN 6344-2007. Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, theo chuẩn Châu Âu REACH 1907/2006. Có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cản quang. Miệng túi thiết kế theo kiểu Peel down, thuận tiện cho người sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói, Kiểm tra độ vô khuẩn theo Dược điển việt Nam. Màu sắc: Trắng, kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, Cân nặng (±0.2gr): 6.5: 8.5gr, 7.0: 9.0gr, 7.5: 9.5gr, 8.0: 10.0gr. Chiều dài: Tối thiểu 270mm. Chiều rộng (mm): 6.5: 83±6, 7.0: 89±6, 7.5: 95±6. 8.0: 102±6. Độ dày (mm): Lòng bàn tay ≥0.14, đầu ngón tay ≥0.16. Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: Tối thiểu 26MPa/20Mpa, Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: 750%/560%. Hàm lượng bột: Tối đa 10mg/dm2. Hàm lượng Protein: Tối đa 100µg/dm2.Quy cách: Hộp 50 đôi	Đôi	1.500
	3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
	Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ			
17	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) 250 cái/ kiện	Cái	40
18	Túi đựng rác thải màu trắng	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.	Kg	100
19	Túi đựng rác thải màu vàng	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.	Kg	100
20	Túi đựng rác thải màu xanh	Dạng: túi nilon nhựa PE nguyên sinh - Vật liệu: nhựa an toàn PE nguyên sinh, nhựa tự phân hủy sinh học.	Kg	100

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ			
21	Ống nghiệm Heparin chân không	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Cái	4.800
22	Ống nghiệm tách huyết thanh	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	2.000
23	Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, có nhãn	* Thể tích 5ml. kích thước ống nghiệm 12x75mm (cho thể tích 5ml) * Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.000
24	Ống nghiệm tiệt trùng 50 ml	Thể tích: 50 ml Nắp: Kiểu chụp Cân nặng: 10g Kích thước: 28.5*114mm Độ dày: 1.0mm Chất liệu: Polystyrene Lực ly tâm tối đa: 6000g	Cái	850
25	Ống nghiệm thủy tính	Chất liệu bằng thủy tinh, dùng đựng bệnh phẩm. Chất liệu thủy tinh, dài 10*75mm	Cái	500
	Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống			
	4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối			
	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ			
26	Dây Oxy 2 nhánh người lớn + trẻ em	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Túi 25 bộ x 20 túi / kiện	Bộ	500

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	4.4 Catheter			
	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ			
27	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Phần Catheter đặt vào cơ thể bệnh nhân, được làm từ chất liệu Polyurethane mềm, tương thích sinh học cao. Đầu Catheter đánh dấu màu xanh, cản quang. - Phần Catheter ngoài cơ thể, gồm 1 nòng tương ứng với các loại Catheter khác nhau. Chất liệu Certon, dùng bơm thuốc, hóa chất,.. cấp cứu - Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí - Kim luồn chữ Y có van. Ống nong, chất liệu PU - Khóa ba ngã ngăn dịch - Dây dẫn bằng chất liệu Nitinol, mềm mại, phủ Silicon (dây guide wire) tránh vặn xoắn với đầu hình chữ J linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO	Bộ	30
	Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật			
	5.2 Chỉ khâu			
	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ			
28	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone. Hộp 36 sợi	Sợi	240
	Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa			

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp			
	Phim X- quang các loại, các cỡ			
29	Phim khô y tế 25x30 cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Hộp	30
	Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			
	Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ			
30	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước	Dùng cho tiệt khuẩn bằng hơi nước (nhiệt độ cao) Thiết kế nhỏ gọn với bấc giấy và mực khô, thành phần: Paper 75%, Salicylamide 2-3% Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra chất lượng tiệt trùng của từng gói dụng cụ. Xác định 3 thông số tiệt trùng: Nhiệt độ - thời gian - áp suất có đạt hay không? Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ - thời gian - áp suất hơi nước túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bấc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. - Kích thước: 5,1 cm x 1,9cm/ Quy cách: 500 miếng/ gói	Hộp	3
31	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt khuẩn hơi nước	Băng chỉ thị nhiệt 3M ™ Comply ™ 1322 dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa* Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,...* Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị "bung ra" trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn* Vạch chỉ thị hóa học sẽchuyển qua màu đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước* Băng chỉ thị nhiệt 3M ™ Comply ™ 1322 là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. Tiêu chuẩn: ISO, FDA / Quy cách: 20 cuộn/thùng	Cuộn	5

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	Đầu côn các loại, các cỡ			
32	Pipet nhựa vô khuẩn dùng 1 lần các cỡ	Nhựa trong, đảm bảo vô khuẩn	Cái	1.300
33	Đầu côn vàng	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế	Cái	3.000
34	Đầu côn xanh	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm; dùng trong y tế	Cái	3.000
	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ			
35	Mask khí dung người lớn + Trẻ em	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Bộ	250
36	Mask thở oxy Sơ sinh, người lớn + Trẻ em	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Bộ	150
37	Mặt nạ thở oxy có túi ECO	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥2 m. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bộ	60
	Phin lọc vi khuẩn các loại, các cỡ			

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
38	Filter lọc khuẩn máy đo chức năng hô hấp	Màng Hygroscopic của phin lọc làm ấm, tạo độ ẩm và mang lại hiệu quả cho đường thở cho bệnh nhân. Độ ẩm đầu ra: 27mg H2O/1; Trở kháng: 0.09kPa ở 30lít/phút; Khoảng chết: 34 ml; Thể tích khí lưu thông: 120-750ml; Độ ấm đầu ra: 30.4-31.2 oC; Hiệu quả lọc vi khuẩn: 99,999%; Hiệu quả lọc Vi rút: 99,998%; Có cổng kiểm tra khí CO2; Đạt tiêu chuẩn: ISO	Cái	1.500
	Nhóm 9. Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị			
	Bóng đèn hồng ngoại các loại, các cỡ			
39	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz -250W, màu sắc đỏ đậm không phai nhạt sau khi chiếu Đuôi đèn theo tiêu chuẩn Châu Âu	Cái	10
	II. Vật tư y tế			
40	Giấy in siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m ± 5%. Dạng cuộn. Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony. 10 cuộn/ hộp	Cuộn	60
41	Huyết áp đồng hồ	- Trọng lượng: 430 g - Dải đo: 20 tới 300 mmHg - Độ chính xác: ± 3 mmHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	15
42	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, TCVN 8389-2010. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.	Cái	25.000
43	Mũ giấy đã tiệt trùng	Mũ giấy đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	15.000

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
44	Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") ±1mm. Kính mài mờ 1 đầu	Lá	3.000
45	Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	Vật liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE Độ dày của thành hộp: 1,00 mm Dung tích hộp: 5,07 lít. Kích thước lỗ thả bơm tiêm: 42 mm. Lỗ thả bơm tiêm có nắp đậy gắn liền với mặt trước của hộp Dễ dàng thiêu huỷ và cháy hết trong lò đốt rác thải hoặc thiêu đốt.	Cái	400
46	Đồng hồ Oxy	Tiêu chuẩn CE	Cái	20
47	Bóng đèn cực tím	Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13487	Cái	90
48	Máng đèn cực tím	Sử sụng cho Chiều dài bóng 120cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13488	Cái	70
	III. Sinh phẩm Y tế			
49	Phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B HBsAg (dạng que nhúng)	Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp, kháng thể dê kháng IgG chuột Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vius viêm gan B trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9%/ Hộp 50 Test	Test	150
50	Dung dịch phun diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong y tế. (Khử khuẩn bề mặt)	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. Quy cách: 1000ml	Chai	100

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
51	Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế	Viên nén khử khuẩn GERMISEP® – dạng viên sủi – hòa tan nhanh trong nước tạo dụng dịch acid hypochlorous (HOCl) cho tác dụng diệt khuẩn tối ưu nhất. Khả năng tạo hypochlorous acid không phân ly có tác dụng diệt các mầm bệnh dựa trên cơ chế chlorine hóa màng protein và hệ thống enzyme của vi sinh vật. Hàm lượng hoạt chất 50% Natridichloroisocyanurate/ Quy cách: Hộp 100 viên	Viên	1.680
52	Cồn 96 độ dược dụng	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	320
53	Khí ÔXY bình (40 lít)	Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy ≥ 99,6%, hàm lượng nước thấp, không có chứa CnHm, không có chứa CO2, không có chứa C2H2, không có chứa Ar + N2; Áp suất nạp 150bar, Thể tích khí nén 6 m3/ bình 40 lít, 6,3 m3/ bình 42 lít; và đạt các tiêu chuẩn sau: DĐVN III, ISO 13485; ISO 9001	Bình	1.000
54	Dầu soi kính	Thể tích 100ml Đạt tiêu chuẩn ISO	Lọ	13
55	Huyết thanh mẫu Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	2
	Huyết thanh mẫu Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B: dòng vô tính sifin B-6F9. ISO-13485 Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	2
57	Huyết thanh mẫu Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB	Lọ	2
	DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM			

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
	1. Hoá chất sử dụng cho máy huyết học			
58	Dung dịch pha loãng	*Là dung dịch đẳng trương dùng để pha loãng mẫu máu trước khi xét nghiệm và để duy trì môi trường thích hợp trong quá trình xét nghiệm. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Chất bảo quản - Đệm - Natri clorua - chelator ion kim loại - Natri sunfat	Thùng	10
59	Dung dịch ly giải	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn - Potassium Chloride - Imidazole - Chất ổn định	Chai	6
60	Dung dịch hệ thống	*Dung dịch nhằm loại bỏ cặn của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo lường của máy phân tích huyết hoc. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35 - EMPIGEN BB - EVERIS PRECISE - Sodium Chloride - Đệm - Chất ổn định - Chất bảo quản	Chai	8
61	Dung dịch enzym rửa	*Dung dịch dùng để làm sạch định kỳ và khẩn cấp hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất:	Lọ	2

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		- Active chlorine - Sodium Hydroxide - Chất ổn định - sodium chloride		
62	Hoá chất chuẩn	*Chất hiệu chuẩn sử dụng trong hiệu chuẩn máy phân tích huyết học *Hóa chất bao gồm: erythrocyte người, leukocyte động vật có vú và tiểu cầu động vật có vú trong chất lỏng giống huyết tương cùng chất bảo quản.	Lọ	2
	2. Hoá chất vật tư dùng cho máy sinh hoá			
63	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; dải đo: 1,6-6 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std - Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	7
64	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2	Hộp	6

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		-Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng		
65	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	5
66	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Toàn phần trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; ; dải đo: 0.25-25 mg/dL Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	3
67	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; dải đo: 20 - 600 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7	Hộp	3

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		- Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrin (4-AAP): 0.5 mmol/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL		
68	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; dải đo: 0.5-15 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Disodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)	Hộp	9
69	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL , nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	Hộp	3

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)		
70	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; dải đo: 20-400 mg/dL Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	Hộp	3
71	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải tuyến tính: 0.2-12 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/ dL -Sodium azide: <0.1%	Hộp	5
72	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL * Quy cách: R 6x50mL + Std 1x5mL	Hộp	4

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
		*Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphater oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: <0.1% (Khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magiê, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol 200 mg/dL - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng)		
73	Hóa chất chất xét nghiệm định lượng Acid uric	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. * Quy cách: R 6x50ml + Std: 1x5ml *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥12000 U/L - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 µmol/L) - Sodium azide: <0.5% (khối lượng/khối lượng)	Hộp	3

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
74	Hoá chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	4
75	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	2
76	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	6
77	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4030 của hãng Arkray	Hộp	30
78	Dung dịch rửa hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Dung dịch dùng để rửa xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	Chai	5
	3. Hóa chất vật tư dùng cho máy nuôi cấy vi khuẩn lao			
79	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	-Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. -Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC.	Hộp	10

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
1	*2*	*3*	*5*	*6*
80	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao	- Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. -Bảo quản ở 2 -8oC.	Hộp	10
81	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi khuẩn lao	- Đạt chứng chỉ ISO 13485 - Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex từ ống nuôi cấy lỏng MGIT nhuộm AFB dương tính. - Các loài có thể phát hiện: M. tuberculosis, M. bovis, M. africanum và M. microti. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. - Bảo quản ở 2 - 35oC.	Hộp	8
82	Ống chuẩn máy nuôi cấy và làm kháng sinh đồ vi khuẩn lao	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITTM 960/320, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Sản phẩm có chứa cao su tự nhiên - Bảo quản tối ở 2–25 °C.	Ống	17
	Tổng cộng: 82 khoản			